

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/DS-ST

Ngày: 16-12-2019

V/v “T/c Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật

2. Ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 267/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân Hàng TMCP K L. Có trụ sở: 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn Anh – Tổng giám đốc ngân hàng TMCP K L;

Bà Trần Tuấn A ủy quyền cho Ông Lê Hữu Đ – chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP K L – chi nhánh An Giang (Giấy ủy quyền số 2872/UQ-NHKL ngày 08/8/2018). Ông Lê Hữu Đ ủy quyền lại cho ông Mai Quốc B (theo giấy ủy quyền số 35/UQ-CNAG ngày 27/5/2019) – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1980.

Bà Trần Thị T, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: 9/3, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K L, do ông Mai Quốc B đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP K L – chi nhánh An Giang thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 với ông Trần Văn C, bà Trần Thị T để cho ông C, bà T vay số tiền 40.000.000đ; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 06 tháng; lãi suất: 14,94%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; kỳ hạn trả nợ: Trả vốn, lãi giảm dần theo từng tháng. Đảm bảo khoản vay trên ông C, bà T đã ký hợp đồng thế chấp tài sản tài sản là xe Honda – Air Blade, biển số 67B1-074.42; số khung: 110AP0092637; số máy: 10APE0092637 theo hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố tài sản số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông C, bà T chỉ trả vốn, lãi được 8.828.008đ. Còn nợ lại vốn gốc là 31.777.778đ, lãi từ ngày 30/9/2018 đến ngày 16/12/2019 là 8.194.487đ. Trong đó lãi trong hạn: 2.341.282đ; nợ lãi quá hạn 5.853.205đ. Tổng cộng vốn lãi ông C, bà T còn nợ là 39.972.265đ nên Ngân hàng TMCP K L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn C, bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K L số tiền vốn lãi nêu trên và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 17/12/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 mà ông C, bà T đã ký với Ngân hàng TMCP K L. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng cầm cố mà ông C, bà T đã ký với Ngân hàng TMCP K L để đảm bảo thi hành án.

* Bị đơn ông Trần Văn C, bà Trần Thị T vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh, không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Mai Quốc B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K L xác định yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông C, bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K L vốn gốc là 31.777.778đ, lãi từ ngày 30/9/2018 đến ngày 16/12/2019 là 8.194.487đ. Trong đó lãi trong hạn: 2.341.282đ; nợ lãi quá hạn 5.853.205đ. Tổng cộng vốn lãi ông C, bà T còn nợ là 39.972.265đ và lãi phát sinh từ ngày 17/12/2019 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 mà ông C, bà T đã ký với Ngân hàng TMCP K L để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hợp đồng tín dụng này mục đích vay nhằm phục vụ đời sống nên được xem là tranh chấp

Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP K L với ông Trần Văn C, bà Trần Thị T là tranh chấp hợp đồng Hợp đồng tín dụng, tuy mục đích vay trong hợp đồng thể hiện và bổ sung vốn kinh doanh nhưng thực chất là ông C, bà T vay tiền để nhằm phục vụ đời sống nên được xem là tranh chấp dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngân hàng TMCP K L là nguyên đơn trong vụ án, khởi kiện và xác định ông Trần Văn C, bà Trần Thị T là bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngân hàng TMCP K L do bà Trần Tuấn A – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K L là người đại diện theo pháp luật, bà A ủy quyền cho Ông Lê Hữu Đ – chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP K L – chi nhánh An Giang và ông Lê Hữu Đ ủy quyền lại cho ông Mai Quốc B ủy quyền cho ông Mai Quốc B – Phó phòng khách hàng kinh doanh của Ngân hàng TMCP K L tham gia tố tụng, thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp với Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận ông B tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2] Về *thẩm quyền*: Ngân hàng TMCP K L khởi kiện đối với ông Trần Văn C, bà Trần Thị T yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018. Hợp đồng tín dụng này mục đích vay nhằm phục vụ đời sống nên được xem là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 23/8/2018, ông Trần Văn C, bà Trần Thị T ký hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC với Ngân hàng TMCP K L – chi nhánh An Giang để vay số tiền 40.000.000đ; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 06 tháng; lãi suất: 14,94%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi trong hạn; kỳ hạn trả nợ: Trả vốn, lãi giảm dần theo từng tháng. Do ông C, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP K L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn C, bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K L số tiền vốn lãi 39.972.265đ. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng cầm cố mà ông C, bà T đã ký với Ngân hàng TMCP K L để đảm bảo thi hành án.

Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP K L – Chi nhánh An Giang với ông Trần Văn C, bà Trần Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với Điều 17 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng nhà nước

ban hành và Luật tổ chức tín dụng năm 2010 cho nên hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý. Việc bị đơn ông C, bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng là vi phạm thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng nên ông bà là người có lỗi và phải chịu hậu quả theo giao kết trong hợp đồng giữa hai bên, hơn nữa trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án phía bị đơn có nhận được thông báo của Tòa án nhưng không thể hiện ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như ông bà thừa nhận khoản nợ trên. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn 31.777.778đ còn nợ và duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP K L – Chi nhánh An Giang với ông Trần Văn C, bà Trần Thị T là có cơ sở và phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng TMCP K L: Việc ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký là gây ảnh hưởng đến Ngân hàng nên Ngân hàng căn cứ vào Điều II của hợp đồng đề yêu cầu tính lãi là có cơ sở phù hợp khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và điểm b khoản 2 Điều 118 Luật tổ chức tín dụng nên được chấp nhận: Tiền lãi từ ngày 30/9 /2018 đến 16/12/2019 với số tiền lãi 8.194.487đ (trong đó lãi trong hạn: 2.341.282đ; nợ lãi quá hạn 5.853.205đ).

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi mà ông C, bà T phải liên đới trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K L tạm tính đến ngày 16/12/2019 là: 31.777.778đ + 8.194.487đ = 39.972.265đ (ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn từ ngày 17/12/2019 được quy định tại hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 cho đến khi ông C, bà T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP K L.

[4] Đối với hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018, giữa Ngân hàng TMCP K L với ông Trần Văn C, bà Trần Thị T. Hợp đồng này được hai bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Nên Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng cầm cố mà ông C, bà T đã ký với Ngân hàng TMCP K L để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận. Trường hợp ông C, bà T không toán xong số tiền còn nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản cầm cố để đảm bảo thu hồi nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K L được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trần Văn C, bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:** Khoản 3 Điều 26, Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 158, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 309, Điều 310, Điều 314, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K L đối với bị đơn ông Trần Văn C, bà Trần Thị T.

Buộc ông Trần Văn C, bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K L số tiền 39.972.265đ (ba mươi chín triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó vốn gốc là 31.777.778đ, lãi tạm tính đến ngày 16/12/2019 là 8.194.487đ (tám triệu một trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/12/2019), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP K L với ông Trần Văn Cu, bà Trần Thị T để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Trần Văn C, bà Trần Thị T không thanh toán nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng TMCP K L được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên xử lý tài sản cầm cố để thu hồi nợ theo hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số 704078/HĐTD/CC ngày 23/8/2018, cụ thể: Là xe Honda – Air Blade, biển số 67B1-074.42; số khung: 110AP0092637; số máy: 10APE0092637.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn C, bà Trần Thị T phải chịu 1.998.000đ (một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K L 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004276 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền